

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc S**, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Anh **Phạm Công T**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 13/1, tổ 14B, KP.2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị S, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc S trình bày:

Chị và anh T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2015, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2015 quyền số 01/2015 ngày 02/12/2015. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên xảy ra xung đột trong gia đình, anh T đã nhiều lần đánh chị và đập điện thoại của chị (03

lần đánh chị và 02 lần đập điện thoại của chị). Vì không muốn gia đình đổ vỡ, nhiều lần, vợ chồng anh chị đã nói chuyện với nhau để cùng tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng nghĩ đến con và gia đình chị lại thôi không nộp đơn nữa. Tuy nhiên, đến khoảng giữa tháng 9/2020 chị phát hiện có thai nhưng anh Thiện nghi ngờ chị có thai với người khác. Không chịu được sự xúc phạm của chồng, chị đã quyết định phá thai. Ngoài ra, anh T còn có thái độ bất kính với mẹ đẻ của chị, đuổi mẹ đẻ của chị ra khỏi nhà. Do đó, chị không còn tình cảm và sự tôn trọng đối với anh T, không muốn nói chuyện và tiếp tục chung sống với anh T. Từ tháng 10/2020, mặc dù vẫn sinh sống cùng một nhà nhưng anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng hiện đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Công T để được giải thoát khỏi cuộc hôn nhân không có hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Phương M, sinh ngày 04/9/2016. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Phạm Công T trình bày: Anh xác định hôn nhân giữa anh và chị S là tự nguyện và hợp pháp đúng như chị S trình bày. Về tình cảm, anh cho rằng giữa anh và chị S cũng có xích mích trong cuộc sống. Việc hai vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau và không tìm được tiếng nói chung thì đã xảy ra từ trước khi kết hôn. Quá trình chung sống, chị S ít khi chia sẻ với anh, nhiều khi tỏ ra ngang ngược và thiếu tôn trọng đối với anh. Do đó, lúc nóng giận anh đã hai lần tát chị S (không phải ba lần đánh chị S như chị S trình bày). Ngoài ra anh còn hai lần đập điện thoại của chị S. Nhiều lần anh chị đã nói chuyện với nhau để giải quyết những xích mích trong cuộc sống nhưng chị S không chịu thay đổi. Chị S cho rằng anh không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc con là không đúng. Hiện anh chị vẫn chung sống với nhau tại nhà trọ ở địa chỉ 13/1, tổ 14B, KP.2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng kể từ cuối năm 2020 đến nay, anh chị ít nói chuyện với nhau, cần trao đổi việc gì thì chỉ nhắn tin. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị, anh muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Phương M, sinh ngày 04/9/2016. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc S, cho chị Sương ly hôn anh T. Về con chung: giao con chung là cháu Phạm Phương M, sinh ngày 04/9/2016 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét; về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Ngọc S xin ly hôn anh Phạm Công T, anh Thiện là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại 13/1, tổ 14B, KP.2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc S và bị đơn anh Phạm Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Chị S có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, chị S và anh T tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/12/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tình cảm, chị Sương xin ly hôn với anh T với lý do mâu thuẫn hiện đã rất trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Bị đơn anh Phạm Công T mặc dù luôn cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị S và muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Tuy nhiên, quá trình làm việc, anh T cũng xác định giữa anh và chị S cũng có xích mích trong cuộc sống. Việc hai vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau và không tìm được tiếng nói chung thì đã xảy ra từ trước khi kết hôn. Quá trình chung sống, chị S ít khi chia sẻ với anh, nhiều khi tỏ ra ngang ngược và thiếu tôn trọng đối với anh. Do đó, lúc nóng giận anh đã hai lần tát chị S và hai lần đập điện thoại của chị S. Nhiều lần anh chị đã nói chuyện với nhau để giải quyết những xích mích trong cuộc sống nhưng chị S không chịu thay đổi. Hiện anh chị vẫn chung sống với

nhau tại nhà trọ ở địa chỉ 13/1, tổ 14B, KP.2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng kể từ cuối năm 2020 đến nay, anh chị ít nói chuyện với nhau, cần trao đổi việc gì thì chỉ nhắn tin.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/3/2021, đại diện chính quyền địa phương cho biết, quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị S có phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào dẫn đến việc chị S khởi kiện xin được ly hôn với anh T thì địa phương không rõ vì anh T và chị S không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Bà Nguyễn Thị N là chủ nhà trọ nơi anh T và chị S thuê trọ cũng cho biết: Anh T, chị S thuê trọ nhà bà tại địa chỉ 13/1, tổ 14B, KP.2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai khoảng 03 năm nay, việc anh chị có mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, do các đương sự không có yêu cầu giải quyết mâu thuẫn tại địa phương nên chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn giữa anh T và chị S. Tuy nhiên, lời khai của nguyên đơn và bị đơn thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị S và anh T hiện đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm và tôn trọng nhau, thậm chí ít giao tiếp với nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh chị đã ly thân thời gian dài từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Anh T cho rằng còn tình cảm với chị S và muốn hàn gắn đoàn tụ với chị S, nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện về thời gian theo đề nghị của anh T để hai bên hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, khả năng hàn gắn đoàn tụ giữa anh T và chị S là không thể thực hiện được, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng chỉ thêm căng thẳng, mệt mỏi, không đem đến hạnh phúc cho cả hai. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S, cho chị S được ly hôn với anh T để trả tự do cho nhau, sống, ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Chị S, anh T có 01 con chung là cháu Phạm Phương M, sinh ngày 04/9/2016. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai ngày 20/01/2021, anh T cho biết, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị S về việc giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc S, xử cho chị Trần Thị Ngọc S được ly hôn anh Phạm Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phương M, sinh ngày 04/9/2016 cho chị Trần Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời anh Phạm Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007828 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc S, anh Phạm Công T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

